

Số: 1614 /BC-NHCS

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2012

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả triển khai thực hiện cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ**

Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) được giao nhiệm vụ thực hiện cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 và Quyết định số 67/2010/QĐ-TTg ngày 29/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ, sau hơn 3 năm đã tổ chức triển khai thực hiện như sau :

#### **I. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện**

1. Tổng giám đốc NHCSXH đã ban hành văn bản số 234/NHCS-TD về hướng dẫn quy trình nghiệp vụ, thủ tục, phương thức nhận tiền vay đối với cho vay hộ nghèo về nhà ở. Tháng 3/2009 NHCSXH mở 11 lớp tập huấn tại 11 khu vực để hướng dẫn cho vay chương trình này cho cán bộ NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện và chỉ đạo NHCSXH các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện Quyết định số 167 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời tổ chức các lớp tập huấn cho các tổ chức chính trị - xã hội làm dịch vụ ủy thác cho vay và Ban quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) để thực hiện giải ngân.

2. Chỉ đạo NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp về kế hoạch triển khai của NHCSXH thực hiện Quyết định 167 của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ kế hoạch của UBND cấp huyện, cấp tỉnh để xác định nhu cầu vốn vay của chương trình theo Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, gửi Hội sở chính để tổng hợp báo cáo các Bộ Ngành liên quan và giao chỉ tiêu kế hoạch cho từng chi nhánh NHCSXH địa phương.

3. NHCSXH đã tham gia và tự thành lập nhiều đoàn công tác đi kiểm tra, giám sát việc triển khai và tổ chức thực hiện tại từng chi nhánh, nhất là việc triển khai chương trình này tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo cho thấy: chính quyền địa phương và các chi nhánh NHCSXH của 20 tỉnh có huyện nghèo đều chấp hành nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ luôn quan tâm ưu tiên nguồn vốn cho huyện nghèo, đến hết năm 2010; 62 huyện nghèo cơ bản đã hoàn thành chương trình cho vay hỗ trợ hộ nghèo làm nhà ở.

4. Từ thời điểm bắt đầu thực hiện chương trình đến nay, NHCSXH thành lập nhiều đoàn kiểm tra thực tế việc cho vay tại Ngân hàng cơ sở để giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc và uốn nắn, chỉnh sửa những sai sót phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này.

5. Thực hiện Quyết định số 67/2010/QĐ-TTg ngày 29/10/2010 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, NHCSXH đã ban hành văn bản số 2945/NHCS-TDNN ngày 25/11/2010 hướng dẫn các chi nhánh tỉnh, thành phố thực hiện và bám sát Danh sách hộ nghèo thuộc diện thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở được bổ sung theo Quyết định số 67/2010/QĐ-TTg đã được phê duyệt để triển khai cho vay kịp thời theo kế hoạch của từng địa phương.

## **II. Kết quả thực hiện đến 31/3/2012**

### **a. Về nguồn vốn cho vay**

Tổng chỉ tiêu kế hoạch nguồn vốn cho vay chương trình này trong 3 năm (2009 - 2012) là 4.100 tỷ đồng để cho vay 512 ngàn hộ nghèo làm nhà ở; trong đó vốn Ngân sách nhà nước chuyển sang NHCSXH để cho vay chương trình này là 1.600 tỷ đồng, số còn lại 1.838 tỷ đồng NHCSXH tự huy động được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất để cho vay. Tuy nhiên việc chuyển vốn của Ngân sách trung ương trong những năm 2009 - 2010 chưa kịp thời, cụ thể: năm 2009 Ngân sách Trung ương mới chuyển cho NHCSXH 500 tỷ, đến tháng 5/2010 chuyển tiếp 100 tỷ đến và ngày 5/11/2010 Ngân sách trung ương mới chuyển tiếp số tiền 600 tỷ đồng. Đồng thời việc huy động vốn của NHCSX trong thời gian này cũng gặp nhiều khó khăn do thị trường vốn, lãi suất huy động...nên việc cho vay gặp nhiều khó khăn.

Để tháo gỡ các khó khăn về vốn một số chi nhánh địa phương đã chủ động báo cáo với UBND tỉnh tạm thời ứng vốn từ Ngân sách địa phương để cho vay kịp thời như: Phú Thọ 39,4 tỷ đồng, Thái Nguyên 28 tỷ đồng, Đồng Tháp 28 tỷ đồng...

### **b. Về giải ngân cho vay**

Chương trình này nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các Bộ ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp và sự nỗ lực của toàn hệ thống NHCSXH nên kết quả triển khai tốt và vốn nhanh chóng đến với hộ, đúng đối tượng được thụ hưởng chính sách một cách đầy đủ, thuận tiện, cụ thể:

Vốn tín dụng giải ngân cho hộ nghèo để làm nhà ở tại 60/60 tỉnh, thành phố có đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ theo đúng Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg đã được UBND địa phương phê duyệt. Tổng doanh số giải ngân cho vay đến nay đạt 3.452 tỷ đồng với 432.991 hộ nghèo được nhận vốn vay từ NHCSXH.

Mặc dù, theo quy định, việc cho vay chương trình này trong 5 năm đầu hộ vay chưa phải trả nợ, nhưng một bộ phận hộ nghèo có thu nhập và tiết kiệm trong chi tiêu đã thực hiện trả nợ dần để giảm bớt khó khăn khi phải trả nợ đến hạn. Trong 3 năm, NHCSXH đã thực hiện thu nợ được 13,3 tỷ đồng. Đến ngày 31/03/2012, dư nợ cho vay chương trình này đạt 3.441 tỷ đồng với 431.740 hộ còn dư nợ, trong đó dư nợ cho vay hộ nghèo là người dân tộc thiểu số chiếm gần 50%.

Một số tỉnh triển khai sớm và có dư nợ cho vay lớn như: Thanh Hóa 209 tỷ đồng, Trà Vinh 197 tỷ đồng, Sóc Trăng 190 tỷ đồng, Nghệ An 163 tỷ đồng, Hòa Bình 125 tỷ đồng, Sơn La 119 tỷ đồng ...

Đây thực sự là một chính sách đúng đắn hợp lòng dân mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Tại các vùng nông thôn, nhiều ngôi nhà mới được mọc lên, hàng trăm mảnh đời khó khăn, đơn thân được cứu cánh để vươn lên trong cuộc sống. Nhà ở dân cư đạt quy chuẩn, bộ mặt nông thôn được chỉnh trang, vấn đề giảm nghèo và an sinh xã hội từng bước được cải thiện... Nhiều vấn đề cốt lõi trong nông thôn mới được giải quyết cũng từ việc hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo.

*(Kết quả cho vay chi tiết từng tỉnh, thành phố có biểu tổng hợp đính kèm)*

## **II. Những khó khăn, vướng mắc khi triển khai cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg**

1. Khó khăn lớn nhất trong quá trình triển khai thực hiện là NHCSXH không được chuyển vốn kịp thời trong 2 năm đầu, mặc dù ngay từ đầu năm 2010 NHCSXH đã trình Thủ tướng xin chuyển vốn để giải ngân, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân của các chi nhánh NHCSXH địa phương; thứ hai là do trong bối cảnh nền kinh tế trong nước cũng như nền kinh tế thế giới bị suy thoái, giá vàng, giá USD trong nước biến động khôn lường, lãi suất huy động bị khống chế ở tỷ lệ cho phép của Ngân hàng nhà nước, làm cho việc huy động vốn của các NHTM nói chung và NHCSXH nói riêng rất khó khăn, chính vì vậy mà NHCSXH không chủ động được nguồn vốn để cho vay dẫn đến chậm tiến độ. Mặc dù NHCSXH đã tìm mọi giải pháp để huy động tối đa mọi nguồn lực như phát hành trái phiếu, huy động vốn của các tổ chức kinh tế, tiền gửi tiết kiệm... để đáp ứng kịp thời về vốn và đẩy nhanh tiến độ mà Chính phủ giao.

2. Theo Quy định tại Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg, đối tượng để NHCSXH thực hiện cho vay làm nhà ở là hộ nghèo có tên trong danh sách thuộc diện được vay vốn làm nhà ở theo quy định. Tuy nhiên, thực tế năm 2009 việc bình xét, lập danh sách hộ nghèo thuộc diện thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở tại một số địa phương rất chậm, chưa được quan tâm đúng mức. Nhiều tỉnh, thành phố đã có đề án gửi về Bộ Xây Dựng nhưng chỉ là số liệu khảo sát tổng thể về hộ nghèo có khó khăn về nhà ở, chưa phê duyệt Danh sách đối tượng thụ hưởng chi tiết theo từng xã, huyện. Điển hình như: chi nhánh Lạng Sơn, Lai Châu, Quảng Nam, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Hà Nội,... Thực tế này đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ giải ngân của NHCSXH.

3. Việc bình xét, lập danh sách đối tượng hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định số 67/2010/QĐ-TTg ngày 29/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ ở một số tỉnh chưa theo đúng quy định (nhiều hộ cư trú tại tổ dân phố, khu phố, xóm vẫn đưa vào danh sách hỗ trợ), làm ảnh hưởng đến kế hoạch, giải ngân của chương trình.

4. Qua kiểm tra thực tế một số nơi (Nam Định, Hưng Yên, Thái bình, Hà Nam) hoạt động của chương trình này hiệu quả chưa cao, chính quyền địa phương chưa quan tâm đến việc vay vốn và làm nhà ở của hộ nghèo; vốn tham gia của cộng đồng rất hạn chế nên chỉ có tiền hỗ trợ của Ngân sách nhà nước và tiền vay Ngân hàng thì hộ không đủ kinh phí để làm nhà.

5. Nhận thức, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ cấp huyện và nhất là cấp xã và một số người dân về chương trình này còn hạn chế, tâm lý trông chờ ỷ lại còn nặng nề. Sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội và mặt trận tổ quốc chưa thực sự rõ nét và công tác tổ chức tuyên truyền chưa đạt yêu cầu.

### III. Kế hoạch năm 2012

Theo Quyết định số 167, thời gian thực hiện chương trình này đến hết năm 2012 và dự kiến số lượng hộ nghèo thuộc đối tượng thụ hưởng là hơn 512.000 ngàn hộ. Trên cơ sở này và kết quả thực hiện đến 31/3/2012 NHCSXH dự kiến kế hoạch cho vay hộ nghèo làm nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg là 600 tỷ đồng, đưa tổng dư nợ của chương trình đến ngày 31/12/2012 lên 3.973 tỷ đồng với 496.625 hộ nghèo được vay vốn, đạt 100% kế hoạch của 3 năm (2009-2012) và đạt 96,9% kế hoạch của chương trình đề ra. NHCSXH đã thông báo chỉ tiêu kế hoạch cho vay năm 2012 cho tất cả các tỉnh, thành phố có nhu cầu và còn đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định.

### IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Về mức cho vay: Với tình hình kinh tế, giá cả thị trường luôn biến động như hiện nay đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét nâng mức cho vay đối với hộ nghèo làm nhà ở.

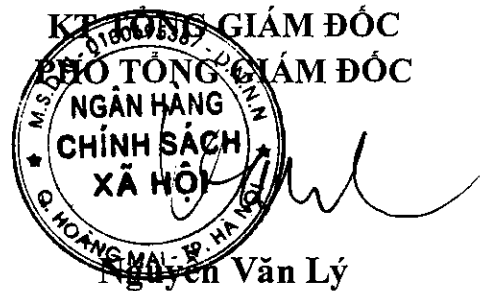
2. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo việc rà soát lại các đối tượng được thụ hưởng chính sách này xét duyệt, xác nhận danh sách hộ nghèo thuộc đối tượng thụ hưởng chương trình này đúng với quy định và kịp thời để NHCSXH có cơ sở triển khai cho vay theo đúng quy định và đúng thời gian.

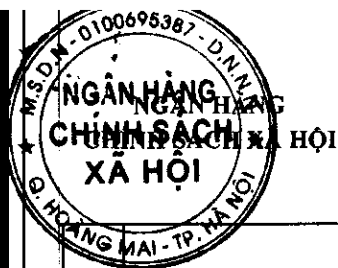
3. Tăng cường kiểm tra giám sát và công tác tuyên truyền việc hỗ trợ cho vay hộ nghèo làm nhà ở của chính quyền địa phương cấp tỉnh, đặc biệt là của cấp huyện, xã để tiền hỗ trợ, tiền vay của Ngân sách nhà nước, tiền hỗ trợ của Ngân sách địa phương, tiền đóng góp của cộng đồng đến đúng đối tượng thụ hưởng và nhà ở đảm bảo chất lượng.

Trên đây là báo cáo tham luận kết quả triển khai, tổ chức thực hiện cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ. *Đinh H*

**Nơi nhận:**

- Cục Quản lý nhà, Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, phòng TDNN.





## BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỘ NGHÈO VỀ NHÀ Ở

Từ đầu chương trình đến 31/03/2012

Đơn vị tính: triệu đồng, hộ.

STT	CHI NHÁNH	Doanh số cho vay từ đầu chương trình	Doanh số thu nợ từ đầu chương trình	XÓA NỢ	TỔNG DƯ NỢ	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ			Số khách hàng còn dư nợ	Lũy kế số lượt hộ vay từ đầu chương trình
						Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh		
<b>A</b>	<b>ĐB sông Hồng</b>	<b>171.051</b>	<b>580</b>	<b>8</b>	<b>170.463</b>	<b>170.455</b>	<b>-</b>	<b>8</b>	<b>21.313</b>	<b>21.389</b>
1	Hải Phòng	7.824	16	0	7.808	7.808	-	-	976	978
2	Hải Dương	20.592	120	0	20.472	20.472	-	-	2.559	2.574
3	Hưng Yên	16.788	129	0	16.659	16.659	-	-	2.083	2.099
4	Thái Bình	27.113	41	0	27.072	27.072	-	-	3.387	3.391
5	Hà Nam	22.488	16	0	22.472	22.472	-	-	2.809	2.811
6	Nam Định	20.850	18	8	20.824	20.816	-	8	2.604	2.607
7	Ninh Bình	9.054	8	0	9.046	9.046	-	-	1.131	1.136
8	Vĩnh Phúc	32.792	16	0	32.776	32.776	-	-	4.097	4.099
9	Bắc Ninh	13.550	216	0	13.334	13.334	-	-	1.667	1.694
<b>B</b>	<b>Đông Bắc</b>	<b>663.975</b>	<b>4.905</b>	<b>48</b>	<b>659.023</b>	<b>659.015</b>	<b>-</b>	<b>8</b>	<b>82.589</b>	<b>83.025</b>
1	Phú Thọ	99.237	165	0	99.072	99.072	-	-	12.386	12.406
2	Bắc Giang	63.278	126	0	63.152	63.152	-	-	7.894	7.910
3	Lào Cai	52.636	338	8	52.290	52.290	-	-	6.542	6.577
4	Yên Bái	49.430	1.395	0	48.035	48.027	-	8	6.169	6.183
5	Thái Nguyên	105.260	251	24	104.985	104.985	-	-	13.126	13.161
6	Bắc Kạn	16.251	100	8	16.143	16.143	-	-	2.019	2.032
7	Lạng Sơn	36.508	264	0	36.245	36.245	-	-	4.537	4.565
8	Tuyên Quang	77.517	68	0	77.449	77.449	-	-	9.683	9.692
9	Cao Bằng	43.494	179	8	43.307	43.307	-	-	5.418	5.450
10	Hà Giang	93.674	726	0	92.948	92.948	-	-	11.623	11.712
11	Quảng Ninh	26.690	1.294	0	25.397	25.397	-	-	3.192	3.337
<b>C</b>	<b>Tây Bắc</b>	<b>390.107</b>	<b>1.044</b>	<b>16</b>	<b>389.047</b>	<b>389.047</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>48.712</b>	<b>48.796</b>
1	Lai Châu	46.648	277	0	46.370	46.370	-	-	5.808	5.834
2	Sơn La	119.542	219	0	119.323	119.323	-	-	14.941	14.959
3	Hòa Bình	124.833	29	0	124.805	124.805	-	-	15.635	15.606
4	Điện Biên	99.084	520	16	98.548	98.548	-	-	12.328	12.397
<b>D</b>	<b>Bắc Trung Bộ</b>	<b>549.125</b>	<b>1.296</b>	<b>16</b>	<b>547.814</b>	<b>547.705</b>	<b>109</b>	<b>-</b>	<b>68.525</b>	<b>68.693</b>
1	Thanh Hóa	210.026	453	8	209.565	209.565	-	-	26.233	26.273
2	Nghệ An	163.363	480	0	162.883	162.883	-	-	20.366	20.449
3	Hà Tĩnh	81.448	42	0	81.406	81.406	-	-	10.176	10.181
4	Quảng Bình	36.880	60	0	36.820	36.820	-	-	4.602	4.614
5	Thừa Thiên Huế	30.976	183	0	30.793	30.793	-	-	3.853	3.872
6	Quảng Trị	26.432	78	8	26.346	26.237	109	-	3.295	3.304

STT	CHI NHÁNH	Doanh số cho vay từ đầu chương trình	Doanh số thu nợ từ đầu chương trình	XÓA NỢ	TỔNG DƯ NỢ	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ			Số khách hàng còn dư nợ	Lũy kế số lượt hộ vay từ đầu chương trình
						Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh		
<b>E</b>	<b>DH N-Trung Bộ</b>	<b>246.114</b>	<b>1.156</b>	<b>8</b>	<b>244.950</b>	<b>244.950</b>	-	-	<b>30.654</b>	<b>30.768</b>
1	Quảng Nam	99.064	460	8	98.596	98.596	-	-	12.338	12.384
2	Đà Nẵng	-	-	0	-	-	-	-	-	-
3	Quảng Ngãi	93.212	184	0	93.028	93.028	-	-	11.633	11.652
4	Bình Định	24.597	408	0	24.189	24.189	-	-	3.039	3.075
5	Phú Yên	19.697	64	0	19.633	19.633	-	-	2.456	2.464
6	Khánh Hòa	9.544	40	0	9.504	9.504	-	-	1.188	1.193
<b>F</b>	<b>Tây Nguyên</b>	<b>285.805</b>	<b>1.799</b>	<b>0</b>	<b>284.918</b>	<b>284.902</b>	-	<b>16</b>	<b>35.841</b>	<b>35.945</b>
1	Đắk Lắk	105.504	354	0	105.150	105.150	-	-	13.147	13.188
2	Gia Lai	68.800	384	0	68.416	68.416	-	-	8.556	8.600
3	Kon Tum	57.848	434	0	57.414	57.398	-	16	7.183	7.232
4	Lâm Đồng	38.266	413	0	38.765	38.765	-	-	4.853	4.784
5	Đắk Nông	15.387	214	0	15.173	15.173	-	-	2.102	2.141
<b>G</b>	<b>Đông Nam Bộ</b>	<b>93.343</b>	<b>456</b>	<b>0</b>	<b>93.447</b>	<b>93.447</b>	-	-	<b>11.707</b>	<b>11.690</b>
1	Ninh Thuận	33.291	49	0	33.802	33.802	-	-	4.227	4.163
2	Bình Thuận	22.255	183	0	22.072	22.072	-	-	2.767	2.788
3	Đồng Nai	1.669	9	0	1.660	1.660	-	-	208	209
4	Bà Rịa Vũng Tàu	1.336	10	0	1.326	1.326	-	-	167	167
5	Tây Ninh	9.808	29	0	9.779	9.779	-	-	1.237	1.240
6	Bình Phước	24.984	176	0	24.808	24.808	-	-	3.101	3.123
<b>H</b>	<b>ĐB S.Cửu Long</b>	<b>1.052.659</b>	<b>2.089</b>	<b>0</b>	<b>1.051.200</b>	<b>1.051.200</b>	-	-	<b>132.399</b>	<b>132.685</b>
1	Đồng Tháp	85.064	76	0	84.989	84.989	-	-	10.638	10.661
2	Vĩnh Long	47.069	139	0	46.930	46.930	-	-	5.887	5.902
3	Cần Thơ	19.720	1	0	19.718	19.718	-	-	2.471	2.469
4	Long An	35.010	393	0	34.617	34.617	-	-	4.329	4.377
5	Bến Tre	75.432	127	0	75.305	75.305	-	-	9.427	9.438
6	Trà Vinh	197.225	253	0	196.972	196.972	-	-	24.732	24.876
7	An Giang	64.357	94	0	64.896	64.896	-	-	8.121	8.048
8	Kiên Giang	78.412	75	0	78.337	78.337	-	-	9.793	9.803
9	Tiền Giang	83.332	227	0	83.105	83.105	-	-	10.390	10.430
10	Cà Mau	77.984	92	0	77.892	77.892	-	-	10.512	10.446
11	Bạc Liêu	48.665	17	0	48.648	48.648	-	-	6.081	6.083
12	Sóc Trăng	191.232	573	0	190.660	190.660	-	-	23.871	23.931
13	Hậu Giang	49.157	24	0	49.133	49.133	-	-	6.147	6.221
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.452.179</b>	<b>13.324</b>	<b>96</b>	<b>3.440.862</b>	<b>3.440.721</b>	<b>109</b>	<b>32</b>	<b>431.740</b>	<b>432.991</b>

**Ghi chú:** nhận 1.472 triệu đồng phần dư nợ bằng nguồn vốn địa phương (Lâm Đồng 912, Ninh Thuận 560), An Giang chuyển 632 triệu dư nợ do trước đây thống kê vào Cho vay khác.